

## CHUYỂN ĐỔI TRONG NHẬN THỨC VỀ MAI TÁNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Thanh Bình  
Viện Dân tộc học

*Tóm tắt:* Khoảng 10 năm trở lại đây, sự thay đổi lớn đã diễn ra trong tập quán mai táng của người Việt đồng bằng Bắc Bộ, đó là xu hướng chuyển đổi dần từ tập tục hun táng - cát táng sang hỏa táng - chôn một lần. Song, vấn đề này vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu kịp thời và thỏa đáng. Trên cơ sở số liệu thu thập từ một số ban, ngành ở Trung ương và địa phương vùng Bắc Bộ cùng kết quả trao đổi, phỏng vấn cán bộ, người dân ở Hà Nội và một số tỉnh lân cận, bài viết này nêu lên thực trạng chuyển đổi tập quán mai táng của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ và quan điểm, suy nghĩ của các chủ thể văn hóa trong quá trình thay đổi ấy. Qua đó, tác giả đưa ra bàn luận về quá trình vận động thay đổi nhận thức của người dân đối với hình thức hỏa táng cũng như một số biện pháp nhằm đẩy mạnh hơn nữa quá trình chuyển đổi.

*Từ khóa:* Tập quán mai táng, biến đổi văn hóa, người Việt đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày nhận bài: 2/12/2019; ngày gửi phản biện: 28/2/2020; ngày duyệt đăng: 17/4/2020

### Đặt vấn đề

Cũng giống như nhiều tộc người khác, tang ma là nghi lễ quan trọng của người Việt trong chu kỳ đời người, trong đó nghi thức mai táng người chết được xem là vấn đề hệ trọng không chỉ quyết định đến việc an nghỉ, siêu thoát của người chết và sự bình an trong tâm lý của người sống mà còn liên quan đến vấn đề quỹ đất, không gian sống, vệ sinh - môi trường của cả cộng đồng. Nếu như trước đây, vấn đề dân số, môi trường và lối sống công nghiệp hóa, đô thị hóa chưa đặt ra các hệ lụy như hiện nay, tập quán mai táng ít được quan tâm, bàn luận tới. Các nghiên cứu về người Việt trong ba thập kỷ qua chủ yếu xem xét quá trình biến đổi, tái cấu trúc của nghi lễ tang ma truyền thống dưới tác động của chính sách nhà nước về đời sống văn hóa mới được thực hiện từ những năm 1954, và quá trình đổi mới, hội nhập của đất nước sau năm 1986 (Malamey, 2002; Kleinen, 2006; Nguyễn Thị Phương Châu, 2016). Tập tục mai táng của người Việt và các tộc người thiểu số ở nước ta, đặc biệt là tục chôn cất và cải táng thường chỉ được giới khảo cổ học quan tâm, thảo luận dựa trên kết quả khai quật các ngôi mộ cổ (Hoàng Xuân Chinh, 1981). Mặc dù vẫn còn tranh luận về nguồn gốc tục cải táng, nhưng cho đến nay, có thể khẳng định, đã từ lâu người Việt ở vùng trung du và châu thổ Bắc Bộ, hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa ở Bắc Trung Bộ đều có tục người chết được

chôn tạm ở một khu, gọi là *hung táng*. Sau ba năm hoặc hơn, tùy trường hợp và điều kiện, gia đình người chết tiến hành cát táng (bốc xương, rửa sạch bằng các loại nước thơm và cho vào tiểu sành, chôn ở nơi cao ráo, gọi là *cát táng*, hay *cải cát*, hoặc *thay áo*, *sang nhà mới*). Trong quan niệm của người Việt xưa, các gia đình phải lo xong việc cát táng này mới được coi như hoàn thành nghĩa vụ với người thân, làm tròn chữ “Hiếu” với cha mẹ.

Hóa táng từ lâu đã được thực hiện ở nhiều quốc gia, tộc người trên thế giới. Ở Việt Nam, người Khơ-me Nam Bộ từ trước đến nay vẫn duy trì tục thiêu người chết tại chùa (Vũ Đình Mười, 2017, tr. 102). Người Chăm cũng đa phần hỏa táng người chết (Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp, 1991, tr. 222). Năm 1996, lần đầu tiên, công nghệ hỏa táng hiện đại được đưa vào miền Bắc nước ta với việc xây dựng Đài hóa thân hoàn vũ Văn Điển (Hà Nội). Gần 10 năm sau, 8 cơ sở hỏa táng khác được lần lượt ra đời tại Hà Nội và một số tỉnh châu thổ Bắc Bộ. Trong thời gian đầu, số lượng các trường hợp hỏa táng còn ít. Từ đầu thập niên 2010 đến nay, số trường hợp hỏa táng của người Hà Nội và các tỉnh lân cận ngày càng tăng và đang diễn ra một sự chuyển biến lớn trong nhận thức của người Việt châu thổ Bắc Bộ về mai táng, nhưng cho đến nay chưa có nghiên cứu nào quan tâm, đề cập tới.

Dựa trên tư liệu, số liệu thu thập được từ một số ban, ngành ở Trung ương và địa phương vùng Bắc Bộ và kết quả trao đổi, phỏng vấn 20 cán bộ, người dân ở Hà Nội và một số tỉnh lân cận trong tháng 7 và tháng 8 năm 2019, bài viết này nêu lên thực trạng chuyển đổi từ tập tục hung táng - cát táng sang hỏa táng - chôn một lần của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ và quan điểm, suy nghĩ của các chủ thể văn hóa trong việc thay đổi hình thức mai táng này. Qua đó, tác giả mong muốn nêu lên được những thuận lợi, khó khăn trong quá trình vận động thay đổi nhận thức của người dân đối với hình thức hỏa táng cũng như một số biện pháp nhằm đẩy mạnh hơn nữa quá trình chuyển đổi.

## 1. Sự xuất hiện hình thức hỏa táng và thực trạng thực hiện hỏa táng ở người Việt đồng bằng Bắc Bộ

Hỏa táng (hay còn được gọi là *hỏa thiêu*, *thiêu*) là hình thức lễ táng bằng cách thiêu xác để lấy tro cốt đựng trong hũ, bình. Tùy từng tôn giáo, tro cốt sau khi hỏa táng được chôn cất hay đem về thờ tại nhà, hoặc gửi vào các nơi thờ cúng (chùa, nhà thờ, miếu...). Cũng có nơi đem rải tro ra sông, hồ, đồi, núi theo nguyện ước của người quá cố. Ở nhiều nước, việc hỏa thiêu được thực hiện trong lò hỏa táng. Trong khi một số nước ở Nam Á như Nepal, Ấn Độ sử dụng nhiều cách khác, như thiêu bằng củi ở ngoài trời.

Ở nước ta hiện nay, theo quy định tại Khoản 10 Điều 2 Nghị định 23/2016/NĐ-CP về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng thì *hỏa táng* (bao gồm cả điện táng) được hiểu là việc thiêu thi hài hoặc hài cốt ở nhiệt độ cao; còn *mai táng* là thực hiện việc lưu giữ thi hài hoặc hài cốt, tro cốt của người chết ở một địa điểm dưới mặt đất; chôn cất một lần là hình thức mai táng thi hài vĩnh viễn; *hung táng* là hình thức mai táng thi hài

trong một khoảng thời gian nhất định sau đó sẽ được cải táng; *cải táng* là việc chuyển xương cốt từ mộ hung táng sang hình thức táng khác; *cát táng* là hình thức mai táng hài cốt sau khi cải táng hoặc lưu tro cốt sau khi hỏa táng.

Mỗi quốc gia, tộc người hay địa phương thường có những nghi thức, tập tục mai táng cho người chết khác nhau. Do ảnh hưởng của Nho giáo, bình thức chôn cất người chết thể hiện đạo hiếu là một tập tục truyền thống ở các nước Đông Á, Trung Quốc và Việt Nam. Tuy nhiên, tập tục này ngày càng gặp phải những thách thức cần có sự thay đổi do sức ép về dân số, đất đai và môi trường. Ở Nhật Bản, hỏa táng xuất hiện khoảng năm 1867, đến năm 2008 đã là hình thức mai táng chiếm đến 99,82% và Nhật Bản trở thành nước đứng đầu thế giới về tỷ lệ hỏa táng (SGGP, 2008). Đài Loan là khu vực đứng thứ hai thế giới với tỷ lệ hỏa táng đạt 96% (Thúy Anh, 2019). Ở Hàn Quốc, năm 1994 tỷ lệ hỏa táng mới đạt 20% nhưng cuộc khủng hoảng tài chính cuối năm 1997 đã trở thành động lực cho chính quyền nước này thúc đẩy xu thế hỏa táng. Tuy người Hàn Quốc ưa chuộng mai táng, nhưng với sự tiên phong hưởng ứng của tầng lớp thượng lưu, sự hỗ trợ gần như miễn phí của chính quyền các cấp, vào năm 2005, tỷ lệ hỏa táng ở nước này lần đầu tiên đạt 53%, vượt qua tỷ lệ số trường hợp chôn cất, sau đó tăng đều đặn mỗi năm khoảng 3%. Đến năm 2016, tỷ lệ hỏa táng ở Hàn Quốc đạt tới 80,8% (Minh Châu, 2002; KBS World Radio, 2016). Trong khi đó, ở Trung Quốc, một chiến dịch “cải cách mai táng” cũng diễn ra. Kể từ thời Chủ tịch Mao Trạch Đông, Chính phủ Trung Quốc đã tích cực vận động việc hỏa táng để tiết kiệm tài nguyên và đất đai trước tình hình dân số gia tăng. Từ năm 1986 đến năm 2005, tỷ lệ hỏa táng tại Trung Quốc tăng từ 26% lên đến 53%. Tại các thành phố lớn, hỏa táng trở thành một xu hướng phổ biến. Tuy nhiên, từ năm 2005 đến nay, tỷ lệ hỏa táng ở nước này có phần chững lại, bởi người dân nông thôn vẫn chưa quen với việc hỏa táng. Năm 2014, Chính phủ Trung Quốc quyết tâm thúc đẩy tỷ lệ hỏa táng tăng 1% mỗi năm và phấn đấu đạt tỷ lệ hỏa táng gần 100% vào cuối năm 2020. Do nôn nóng thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch, một số địa phương ở nước này đã thực hiện những biện pháp mang tính cưỡng ép, như tịch thu, phá hủy quan tài gỗ chuẩn bị cho hậu sự của người già ở các vùng nông thôn. Trước sự chỉ trích của truyền thông, chính quyền các địa phương chuyển sang vận động người dân thay đổi nhận thức và có các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ người dân về tài chính khi chuyển đổi từ chôn cất sang hỏa táng (Pháp Luật Plus, 2018; BBC News Tiếng Việt, 2018).

Ở nước ta, năm 1996, cơ sở hỏa táng đầu tiên được xây dựng tại nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội - Đài hỏa thân hoàn vũ Văn Điển. Song, từ năm 1996 đến 2000, do còn mới mẻ với người dân, chính quyền thành phố chưa có chính sách hỗ trợ, khuyến khích hỏa táng... nên tỷ lệ người dân lựa chọn hình thức này còn rất ít, chỉ khoảng 6% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội, 2018). Năm 2010, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích hỏa táng trên địa bàn thành phố, trong đó hỗ trợ chi phí hỏa táng với mức 3 triệu đồng/trường hợp và hỗ trợ chi phí vận chuyển 1 triệu đồng (đối với khu vực ngoại thành),

500.000 đồng (khu vực nội thành). Ngoài ra, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng chính sách tại các Trung tâm nuôi dưỡng tập trung và người lang thang vô gia cư chết trên địa bàn thành phố còn được hỗ trợ áo quan, túi đồ khâm liệm,... Chính sách của thành phố có tác động rõ rệt, nhiều gia đình đã lựa chọn hình thức hỏa táng thay thế mai táng truyền thống. Nhận thấy hiệu quả của chính sách này, Thành phố Hà Nội đã ban hành các quyết định gia hạn chính sách hỗ trợ khuyến khích hỏa táng trên địa bàn<sup>1</sup> đến hết năm 2020. Thành phố cũng áp dụng công nghệ thông tin vào thanh toán hỗ trợ trực tiếp cho người dân ngay khi ký hợp đồng hỏa táng, giúp cho việc giải quyết các thủ tục thuận tiện hơn. Ngoài chính sách của thành phố, nhiều quận/huyện đã hỗ trợ thêm từ 1 đến 5 triệu đồng/một trường hợp hỏa táng. Nhờ đó, tỷ lệ người dân Hà Nội sử dụng hình thức hỏa táng đã tăng dần qua các năm: năm 2010, tỷ lệ 18,5%; năm 2011, tỷ lệ 27,5%; năm 2012, tỷ lệ 30,9%; năm 2013, tỷ lệ 37,9%; năm 2014, tỷ lệ 42,07%, năm 2015, tỷ lệ 46,28%; năm 2016, tỷ lệ 48,06%; năm 2017, tỷ lệ 55% và năm 2018 xấp xỉ 60%, trong đó tỷ lệ của khu vực nội thành là 69%, ngoài thành là 48% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội, 2018).

Năm 2013, tại Quyết định số 2283/QĐ-TTg ngày 26/11/2013, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng, theo đó mục tiêu đến năm 2020 tỷ lệ số lượng hỏa táng tại các thành phố trực thuộc Trung ương trung bình đạt 30%. Trên thực tế, từ trước đó Chính phủ đã có chủ trương khuyến khích hình thức lễ táng này, bằng chứng là ngoài Đài hóa thân hoàn vũ Văn Điển xây dựng năm 1996, từ năm 2006 đến năm 2016 có thêm 8 cơ sở hỏa táng khác được xây dựng tại Hà Nội và một số tỉnh lân cận. Nhờ vậy, số lượng các trường hợp hỏa táng trong vùng ngày càng tăng lên (Xem *Bảng 1*).

**Bảng 1: Số hỏa táng ở các tỉnh Bắc Bộ trong 6 năm, 2013 - 2018**

(Số trường hợp)

TT	Cơ sở và năm thành lập	Thời gian					
		Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Đài hóa thân hoàn vũ Văn Điển (Hà Nội), 1996	25.000	27.080	30.789	30.120	32.097	33.057
2	Đài hóa thân Hoa viên tưởng niệm Thiên Đức (Phù Ninh, Phú Thọ), 2016				2.300	2.540	4.570
3	Đài hóa thân hoàn vũ Công viên Vĩnh hằng Ba	3.800	4.200	4.573	4.980	5.400	6.500

<sup>1</sup> Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND Thành phố ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 về quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hà Nội, Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 về quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016).

	Vi (xã Vật Lại, huyện Ba Vì, Hà Nội), 2003 (bắt đầu hòa táng từ 2013)						
4	Đài hóa thân Hải Dương (Hải Tân, TP. Hải Dương), 2012)	1.900	2.000	2.500	3.000	6.000	6.500
5	Đài hóa thân hoàn vũ Thanh Bình (Nam Định), 2015			1.700	2.000	2.500	3.200
6	Phúc Lạc Viên - Đài hóa thân hoàn vũ tại khu nghĩa trang Chợ Nhàng (phường Quảng Thành, TP. Thanh Hóa), 2014			1.580	2.300	2.500	3.700
7	Đài hóa thân hoàn vũ - Nghĩa trang Ninh Hải (đường Phạm Văn Đồng, P. Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng), 2006	2.100	2.750	2.900	3.200	3.450	3670
8	Đài hóa thân hoàn vũ - Nghĩa trang Phi Liệt (thôn Phi Liệt, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng), 2006	1.350	2.370	3.258	3.500	3.978	4.021
9	Đài hóa thân hoàn vũ An lạc viên Quảng Ninh (Km 15, phường Quang Hanh, Tp Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh), 2010	2.005	2.750	3.070	3.680	3.680	3.241
	<b>Tổng số</b>	<b>13.655</b>	<b>41.150</b>	<b>50.370</b>	<b>55.080</b>	<b>62.145</b>	<b>68.459</b>

*Nguồn:* Số liệu thống kê thu thập từ 9 cơ sở hòa táng

Theo thống kê của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (Bộ Tư pháp) số đăng ký khai tử trong nước tại UBND cấp xã của 11 tỉnh trung du và châu thổ Bắc Bộ từ năm 2013 đến 2018 lần lượt là: 104.139; 116.081; 113.463; 121.443; 118.855 và 128.694 trường hợp. So sánh với tổng số trường hợp hòa táng ở tất cả 9 cơ sở hòa táng trong vùng có thể ước tính<sup>2</sup> tỷ lệ hòa táng trung bình của cả vùng trong các năm từ 2013 đến 2018 lần lượt là khoảng: 13%;

<sup>2</sup> Tỷ lệ này chỉ mang tính ước chừng bởi có một số lượng người Việt và các tộc người thiểu số ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc như Hòa Bình, Tuyên Quang, Bắc Giang hay Quảng Ninh và một số tỉnh bắc Trung Bộ như Thanh Hóa, Nghệ An cũng sử dụng dịch vụ hòa táng tại 9 cơ sở.

35%; 44%; 45%; 52% và 53%. Số liệu thống kê từ cấp xã/phường/thị trấn cũng cho thấy xu hướng tăng dần tỷ lệ hòa táng ở các địa phương trong vài năm trở lại đây (Xem Bảng 2).

**Bảng 2: Tỷ lệ hòa táng của một số xã/phường/thị trấn ở Bắc Bộ trong 6 năm gần đây**  
(người và %)

TT	Xã/phường/thị trấn	Thời gian					
		2014	2015	2016	2017	2018	2019 <sup>3</sup>
1	Phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	16/81 19,7%	43/98 43,8%	45/88 51%	49/80 61%	47/81 58%	34/44 77,2%
2	Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội	64/88 73%	51/76 67%	51/72 70%	104/113 91%	81/87 93%	51/58 86%
3	Xã Đông La, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội	9/42 21,4%	11/41 26,82%	13/47 27,6%	28/62 45%	35/68 51%	
4	Xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội		1/34 3%	2/23 8,7%	1/27 3,7%	2/39 5%	2/22 0,8%
5	Xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội		1/110 0,9%	11/88 12,5%	8/81 9,8%	13/101 12,8%	7/84 8,3%
6	Xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội		17/87 19,5%	15/65 23%	17/612 27,8%	28/56 50%	15/32 46,8%
7	Xã Đông Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam		42/129 32,55%	55/140 39,28%	57/145 39,73%	60/151 39,73	
8	Xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	0/67 0%	1/61 1,6%	3/54 5,5%	7/59 11,8%	5/45 11%	
9	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	1/43 2,3%	3/32 9,3%	3/37 8,1%	4/41 9,7%	5/46 10,8%	

*Nguồn:* Số liệu thống kê của UBND các xã/phường/thị trấn

Có thể nói, khởi đầu với việc thực hiện hòa táng của Thành phố Hà Nội, hình thức lễ táng này đã lan rộng ra khắp vùng châu thổ Bắc Bộ và cả một số tỉnh trung du, miền núi. Số liệu Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ hòa táng ở một xã của Hà Nam năm 2018 là xấp xỉ 40%. Lục

<sup>3</sup> Số liệu năm 2019 tính từ đầu năm đến thời điểm điều tra là tháng 7/2019.

Ngạn, tỉnh Bắc Giang là huyện miền núi nơi đất đai còn rộng, mật độ dân số còn thưa, vấn đề hỏa táng chưa đặt ra cấp bách, nhưng người dân cũng đã bắt đầu quan tâm và thực hiện. Dẫu cho số liệu, tình hình cụ thể của các tỉnh trong vùng chưa được thống kê, nghiên cứu đầy đủ, tuy nhiên có một điều có thể khẳng định chắc chắn là trong 3 năm gần đây hỏa táng đang trở thành một xu hướng mới, một bước chuyển biến mới trong nghi lễ tang ma của người Việt vùng châu thổ Bắc Bộ.

## 2. Nhận thức của cộng đồng dân cư trong quá trình chuyển đổi

Trong xã hội truyền thống của người Việt và ngay cả trước thời kỳ Đổi mới, vấn đề vệ sinh trong khi tiến hành cải táng (bốc mộ) không phải là nỗi bận tâm lớn với người dân, ngoại trừ những trường hợp người chết mắc các bệnh truyền nhiễm hay khi đất khu vực mộ chôn có độc. Ngày nay, do môi trường ngày một ô nhiễm, tỷ lệ người chết do ung thư, các bệnh truyền nhiễm hay những bệnh có sử dụng nhiều thuốc kháng sinh ngày một tăng, khiến cho thời gian hung táng của những người đó kéo dài 8 - 10 năm thay vì 3 năm như trước đây. Tuy vậy, ở nhiều địa phương, hiện tượng thi thể chưa phân hủy hết khi cải táng luôn là nỗi ám ảnh với người dân. Vì vậy, đa phần các gia đình có người thân trước khi qua đời do sử dụng nhiều kháng sinh, hóa chất để điều trị bệnh đều là những gia đình đi đầu sử dụng hình thức hỏa táng. Qua phỏng vấn, có 18/20 người ủng hộ hỏa táng và cho rằng trên 50% cư dân trong cộng đồng của họ cũng nhận ra các mặt tích cực của lễ táng mới này<sup>4</sup>. Qua các ý kiến cho thấy, hỏa thiêu là hình thức văn minh, gọn nhẹ, hợp vệ sinh và tiết kiệm; đa số người dân đều ý thức được rằng với dân số đông như hiện nay, việc tiếp tục chôn cất người chết theo quy trình hung táng - cát táng sẽ làm cho môi trường đất, nước ở quanh nghĩa địa và khu dân cư bị ô nhiễm; tồn kém một diện tích lớn đất đai. Ở làng xã nông thôn các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, đất đai quy hoạch cho nghĩa trang có thể còn đủ để người dân địa phương sử dụng trong khoảng 50 năm tới, nhưng với các làng ven đô Hà Nội quỹ đất dùng cho địa táng ở một số nơi chỉ có thể sử dụng trong 10 - 20 năm nữa. Khác với khu vực nội đô - nơi giới trung lưu, thượng lưu đầu tư mua đất hậu sự cho bố mẹ và cả đại gia đình tại các công viên nghĩa trang gần Hà Nội, như Thiên Đức Vĩnh Hằng Viên (Phú Thọ), Lạc Hồng Viên (Hòa Bình) hoặc những khu đất có thể đặt mộ táng tại quê nhà với mức chi phí vài trăm triệu tới hàng tỷ đồng, người dân các làng xã vùng châu thổ Bắc Bộ vẫn chủ yếu mong được an táng người thân tại nghĩa trang địa phương. Tuy nhiên, một số gia đình khá giả do lo ngại hết đất nghĩa trang chung của cộng đồng và muốn có một khoảnh đất riêng để lo hậu sự cho bố mẹ hoặc cho cả gia đình sau này, nên đã mua đất ở cạnh nghĩa trang với giá lên tới 5 - 7 triệu đồng/m<sup>2</sup>. Người dân ven đô đã nhận thức được rằng, ngay cả sau khi chuyển đổi sang hỏa táng, diện tích đất nghĩa trang nhân dân của các cộng đồng sau này cũng không còn đủ để chôn cất, mà cần đến việc xây dựng những tháp cao tầng để đặt các hài cốt sau khi hỏa thiêu.

<sup>4</sup> Theo một cuộc điều tra năm 2014 ở thành phố Huế, nơi người dân được coi là muốn duy trì tập tục địa táng hơn hỏa táng thì cũng đã có 33% ý kiến được hỏi đồng ý với hình thức hỏa táng mới, 18% sẽ đồng ý nếu trong gia đình có sự nhất trí và chỉ có 49% ý kiến không đồng tình (Nguyễn Hữu Ngừ, Nguyễn Thành Quốc 2014, tr. 47)

Một ưu điểm quan trọng khác của hình thức hỏa táng là gia đình người mất chỉ cần lo việc chôn cất và các lễ nghi tang ma một lần. Từ trước đến nay, nhiều gia đình trong các dòng họ “địa đình” thường rất lo sợ về việc “trùng tang”, bởi theo phong tục truyền thống, các gia đình chỉ có thể cải táng khi trong 3 năm liền trước đó không có người trong nội tộc qua đời. Việc cải táng vốn đòi hỏi sự thận trọng về mặt tâm linh, bởi động chạm tới mồ mà được xem là có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc làm ăn, sự hưng thịnh của các thành viên gia đình và dòng họ. Do đó, với nhiều người, hỏa táng - chôn cất một lần là hình thức gọn nhẹ, giúp họ hoàn thành bổn phận, trách nhiệm với người đã khuất một lần duy nhất, tránh phải lo lắng, vất vả, khổ sở lần thứ hai và quan trọng hơn là tránh nỗi sợ “trùng tang”.

Về mặt kinh tế, tổng chi phí cho một ca hỏa táng hiện nay hết khoảng 11 - 12 triệu đồng. Thành phố Hà Nội và nhiều tỉnh ở Bắc Bộ hỗ trợ mức tối thiểu là 4 triệu đồng/l trường hợp từ ngân sách thành phố, 2 triệu đồng từ ngân sách huyện, nhiều xã cũng hỗ trợ 1 triệu đồng/trường hợp, nên người dân chỉ phải chi trả khoảng 4 - 6 triệu đồng. Mức chi phí này theo tính toán của người dân thấp hơn nhiều so với các khoản chi cho việc hung táng - cải táng. Với hung táng, các gia đình thường phải chi cho quan tài bằng gỗ tốt với giá hơn 10 triệu đồng. Chi phí cho một lễ bốc mộ hiện nay thường hết khoảng 30 triệu (bao gồm mua tiểu, quách, các loại nước rửa, thuê người bốc, ăn uống, cỗ bàn, chưa tính nguồn nhân lực được huy động vào việc này rất lớn).

Về mặt tâm linh, đa phần các ý kiến được hỏi đều khẳng định, cho đến nay không thấy có việc các gia đình có người thân được hỏa táng gặp phải những điều bất trắc sau tang lễ. Liên quan đến quan tâm của người dân về hỏa táng có ảnh hưởng đến vấn đề tái sinh và phúc đức của con cái, đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho rằng, thân xác con người khi chết trở về với “tứ đại” là đất, nước, lửa và gió. Phật giáo Việt Nam khuyến khích hỏa táng bởi lễ táng này không ảnh hưởng gì tới gia đình, con cháu hiện tại cũng như kiếp lai sinh của người đã mất (Thích Giác Quang, 2017). Những nhà sư trụ trì các chùa ở địa phương khi được người dân hỏi ý kiến về hỏa táng cũng thường bày tỏ quan điểm ủng hộ, khuyến khích. Ba người hành nghề tâm linh (một thầy bói, một thầy cúng và một thủ nhang đồng đền) được phỏng vấn trong nghiên cứu này cũng cho rằng, những gia đình có người thân hỏa táng khi đến nhờ họ làm các đàn lễ đều không gặp vấn đề gì do ảnh hưởng của hình thức lễ táng này và bản thân họ cũng ủng hộ sự chuyển đổi theo hỏa táng trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Ngoài những nhìn nhận tích cực, ở các cộng đồng cư dân vẫn còn một bộ phận người dân chưa đồng ý thực hiện việc hỏa táng. Điều lo ngại đầu tiên của những người này là sợ vong hồn người đã khuất sẽ “không siêu thoát” nếu không được giữ nguyên hài cốt, chôn cất theo phong tục truyền thống. Nhiều người, nhất là người cao tuổi sợ cảm giác nóng khi hỏa táng. Hơn nữa, một số người tự cảm thấy hoặc sợ bị cộng đồng chê là “bất hiếu” nếu không làm mai táng cho cha mẹ theo tập tục cổ truyền. Chưa kể bộ phận tầng lớp trung lưu, nhiều người còn giữ quan điểm cho rằng, chỉ địa táng (dù là hung táng - cải táng hay đào sâu chôn



chặt một lần) mới giúp thi hài người mất được mát mẻ và con cháu trong nhà mới làm ăn, buôn bán phát đạt hơn.

Trong quá trình chuyển đổi hình thức mai táng những năm qua, ở cộng đồng làng xã nào cũng diễn ra một vài mâu thuẫn nhỏ trong các gia đình trước quyết định chọn hình thức hỏa táng hay không. Trong gia đình, những người con thoát ly, làm việc ở các đô thị hay cán bộ, đảng viên, công tác xã hội ở địa phương thường là người đề xuất lễ hỏa táng khi cha mẹ qua đời và có thể vấp phải sự phản đối của anh em trong nhà hoặc họ hàng. Sự khác nhau về quan điểm đó có thể gây ra những sứt mẻ trong tình cảm, quan hệ anh em gia đình sau tang ma. Cũng có trường hợp bố mẹ để lại di nguyện cho con cái là địa táng, nhưng con cái lại hỏa táng nên bị dư luận dân làng dị nghị. Ngược lại, có trường hợp con cái là đảng viên không thuyết phục được bố mẹ thực hiện hỏa táng nên đành chấp nhận.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong nhiều trường hợp, những người còn e ngại hay phản đối hỏa táng thường sẽ thay đổi nhận thức sau khi được tận mắt chứng kiến, tham dự hỏa táng của người thân và nhận thấy không có hiện tượng ảnh hưởng tiêu cực nào do hỏa táng gây ra cho gia đình và cộng đồng.

Ở tất cả các xã/phường/thị trấn mà nghiên cứu này khảo sát (xem Bảng 2) thường có hiện tượng là sự khác biệt giữa các thôn/tổ dân phố về tỷ lệ hỏa táng. Cán bộ, nhân dân ở các địa phương thường giải thích nguyên nhân của vấn đề này từ 3 yếu tố: tôn giáo, đất đai, nhận thức. Chẳng hạn, ở xã Minh Tân (huyện Phú Xuyên, Hà Nội), những trường hợp hỏa táng tập trung ở các thôn Thần Quy, Mai Trang, Kim Quy và Thành Lập 2. Các làng Công giáo trong xã như Bái Xuyên, Thành Lập 1 và Đồng Lạc cho đến nay không có trường hợp hỏa táng nào. Ở phường Dương Nội (quận Hà Đông, Hà Nội), tỷ lệ hỏa táng ở các tổ dân phố thuộc thôn La Dương thấp hơn thôn La Nội, lý do được cho là quỹ đất nghĩa trang của thôn này còn nhiều hơn thôn La Nội nên người dân thôn chưa muốn chuyển đổi. Tương tự như vậy, ở xã Đông La (huyện Hoài Đức, Hà Nội), thôn La Tinh có tỷ lệ hỏa táng cao nhất xã, trong khi thôn Đông Lao có tỷ lệ thấp nhất. Giải thích cho sự khác biệt này, một số ý kiến cho rằng, đất nghĩa trang của thôn La Tinh là loại đất thịt, làm chậm quá trình phân hủy thi hài người chết, nên người dân trong thôn dễ từ bỏ hung táng - cải táng để tiếp nhận hỏa táng hơn; trong khi đó người dân Đông Lao “không gặp vấn đề gì về cải táng” nên muốn duy trì tập tục cũ để thể hiện chữ “Hiếu” với cha mẹ hơn.

Nhìn chung, nhiều ý kiến nhấn mạnh rằng, tôn giáo và đất đai chỉ là nguyên nhân thứ yếu khiến cho tỷ lệ hỏa táng thấp ở một số cộng đồng. Yếu tố quan trọng nhất trong việc chuyển đổi thực hành mai táng là vấn đề nhận thức của chủ thể văn hóa và điều này liên quan chặt chẽ tới công tác tuyên truyền, vận động. Thực tế cho thấy, nhờ đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức: đưa việc thực hiện tang lễ văn minh vào tiêu chuẩn đánh giá làng văn hóa hàng năm; phát thanh tuyên truyền; phát tờ rơi; tổ chức tọa đàm trong cộng đồng dân cư về lợi ích của hỏa táng; mời các nhà sư có uy tín về nói chuyện tại các thôn, làng,

tổ dân phố có tỷ lệ hỏa táng thấp để tuyên truyền, giải thích về vấn đề tâm linh cho nhân dân, đặc biệt là người cao tuổi,... Đông Anh trở thành huyện đi đầu của Thành phố Hà Nội trong việc thực hiện hỏa táng. Trong khi đó, ở một số xã của huyện Phú Xuyên nơi có tỷ lệ hỏa táng thấp, lãnh đạo địa phương thừa nhận rằng, công tác tuyên truyền và việc phát động ở địa phương chưa thực sự được coi trọng, “mới chỉ có phát mà không động”. Đa phần các ý kiến được hỏi đều cho rằng, ở đâu cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những người đứng đầu đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nêu gương thực hiện trước thì tỷ lệ hỏa táng ở đó sẽ tăng cao.

### 3. Một số giải pháp thúc đẩy quá trình thay đổi nhận thức về mai táng

Hỏa táng theo công nghệ lò nóng mới là hình thức lễ táng phổ biến ở nhiều nước phát triển trong khu vực khoảng hai thập kỷ qua. Mặc dù mô hình mai táng hiện đại này được đưa vào Việt Nam từ năm 1996 nhưng phải hơn 10 năm sau, nhờ đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và khuyến khích, hỗ trợ thì hỏa táng đã trở thành một xu hướng mới trong nghi lễ tang ma của người Việt ở Bắc Bộ như hiện nay. Với tỷ lệ hỏa táng gần 60% ở Thành phố Hà Nội, gần 50% ở một số tỉnh kề cận, chủ trương khuyến khích hỏa táng của Chính phủ đã đạt được thành công hơn mong đợi.

Kinh nghiệm từ Hàn Quốc, Trung Quốc và cả Việt Nam cho thấy, để có sự thay đổi bước đầu nhận thức về mai táng của người dân luôn cần có sự khuyến khích, hỗ trợ về tài chính; sự tiên phong, gương mẫu của giới thượng lưu (ở Hàn Quốc) và của cán bộ đảng viên (ở nước ta). Các biện pháp cưỡng chế, cưỡng ép hoàn toàn không phù hợp và không cần thiết trong quá trình chuyển đổi này bởi mai táng là một phần của nghi lễ tang ma - thành tố quan trọng trong văn hóa mỗi tộc người.

Xu hướng chung hiện nay là văn hóa của các tộc người đã và đang biến đổi, được cải biến và tái cấu trúc theo hướng vừa bảo tồn, phục hồi những giá trị truyền thống được xem căn bản, cốt lõi nhất, vừa loại bỏ những yếu tố bị cho là rườm rà, không hợp thời và tiếp nhận những yếu tố văn hóa mới bên ngoài. Hỏa táng theo công nghệ hiện đại cũng là một dạng lễ thức, văn hóa mới được một bộ phận nhỏ người Việt biết đến và tiếp thu ban đầu. Cũng giống như nhiều trường hợp khác, khi một yếu tố văn hóa mới được đưa vào một tộc người, một cộng đồng thường gây ra những tranh luận trái chiều và xung đột về quan điểm, nhận thức giữa các cá nhân, các nhóm tuổi, giới tính, thế hệ. Đối với hỏa táng, những người thoát ly, cán bộ đảng viên, lớp trẻ ở các cộng đồng làng xã có xu hướng ủng hộ nhiều hơn, trong khi một bộ phận người cao tuổi còn e ngại. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nếu được trực tiếp tham gia, chứng kiến và nhận thấy kết quả thực hiện hỏa táng của người thân và những người xung quanh, đa phần người dân sẽ chuyển từ phản đối sang ủng hộ hỏa táng.

Nghiên cứu này cho rằng, nếu muốn thúc đẩy hơn nữa quá trình thay đổi nhận thức về mai táng của người Việt ở Bắc Bộ hiện nay, các địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức; lãnh đạo các cấp các ngành, cán bộ đảng viên cần gương mẫu

đi đầu thực hiện, vận động người thân, gia đình làm theo hình thức mới, cần tiên phong trong việc tiến hành thực hiện hòa táng đối với người thân qua đời của mình, từ đó mới có thể vận động, thuyết phục được người khác làm theo.

Trong công tác vận động, tuyên truyền nên lưu ý vấn đề tin đồn, dư luận xấu có thể ảnh hưởng tới tâm lý của người dân. Số liệu thực tế cho thấy, đã có một số địa phương sau một thời gian tăng nhanh lại diễn ra sự suy giảm tỷ lệ hòa táng một cách đột ngột vào năm 2018 (quận Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông và huyện Đông Anh). Người Việt là tộc người theo tín ngưỡng đa thần, có tâm thế cởi mở để tiếp nhận các yếu tố, lễ thức tôn giáo mới nhưng cũng dễ thay đổi. Chính vì vậy, cần có nghiên cứu sâu hơn về khả năng ổn định của hình thức hòa táng đối với nghi lễ tang ma của người Việt trong thời gian tới.

Cuối cùng, chúng tôi cho rằng, bên cạnh cuộc vận động thay đổi nhận thức của cộng đồng về mai táng, việc quy hoạch lại các nghĩa trang đang được đặt ra rất bức thiết. Nghĩa trang nhân dân trong vùng cần được quy hoạch lại chi tiết một cách thống nhất, dài hạn. Cần đề ra quy định về diện tích đất cho từng phần mộ, thiết kế mộ để tạo sự thống nhất về hình thức, công bằng trong sử dụng đất đai. Đối với các làng xã ven đô, tháp đê hải cốt trong tương lai cần được thiết kế trên cơ sở nghiên cứu kỹ nhu cầu tâm linh của người dân; đảm bảo sự tiếp cận bình đẳng của người dân, quản lý chặt chẽ tránh tình trạng thương mại hóa các dịch vụ trong nghĩa trang.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Phương Châm (2016), *Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa: Trường hợp làng Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp (1991), *Văn hóa Châm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hoàng Xuân Chinh (1981), “Bàn về tục cải táng ở nước ta”, *Sưu tập Dân tộc học 1981*, tr. 169-170.
4. Kleinen, John (2006), *Đối diện tương lai, hồi sinh quá khứ: Nghiên cứu biến đổi xã hội ở một làng Bắc Việt Nam*, Tạp chí Xưa và Nay, Nxb. Đà Nẵng.
5. Malarney, Shaun Kingsley (2002), *Culture, Ritual and Revolution in Vietnam* (Văn hóa, nghi lễ và cách mạng ở Việt Nam), University of Hawaii Press.
6. Vũ Đình Mười (2017), “Dân tộc Khơ-me”, trong: Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2017), *Các dân tộc ở Việt Nam. Tập 3, nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Hữu Ngữ, Nguyễn Thành Quốc (2014), “Đánh giá thực trạng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn thành phố Huế”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Các Khoa học Trái đất và Môi trường*, Tập 30, Số 1, tr. 41-49.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội (2018), *Báo cáo Kết quả thực hiện kiến nghị giám sát của Thường trực HĐND Thành phố về quản lý sử dụng nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Số 2934/SLĐT BXH-BTXH.

9. Thủy Anh (2019), “Tỷ lệ hỏa táng của Đài Loan đứng thứ hai thế giới, mai táng sinh thái vượt hơn 10 ngàn người”, Radio Taiwan International, 29/3/2019. Truy cập tại: <https://vn.rti.org.tw/news/view/id/2000919>

10. BBC News Tiếng Việt (2018), “Phá hủy quan tài, Trung Quốc cải cách mai táng”, ngày 26/6/2018. Truy cập tại: <https://www.bbc.com/vietnamese/world-44610483>

11. Minh Châu (2002), “Hỏa táng - chủ đề nóng hổi tại Hàn Quốc”, VnExpress, thứ bảy, 13/4/2002. Truy cập tại: <https://vnexpress.net/the-gioi/hoa-tang-chu-de-nong-hoi-tai-han-quoc-2053668.html>

12. KBS World Radio (2016), “Tỷ lệ hỏa táng tại Hàn Quốc năm 2015 vượt 80%”, ngày 27/10/2016. Truy cập tại: [http://world.kbs.co.kr/service/news\\_view.htm?lang=v&Seq\\_Code=32793](http://world.kbs.co.kr/service/news_view.htm?lang=v&Seq_Code=32793)

13. Pháp Luật Plus (2018), “Trung Quốc với cuộc chiến chống... quan tài”, ngày 3/10/2018. Truy cập tại: <https://www.phapluatplus.vn/quoc-te/trung-quoc-voi-cuoc-chien-chong-quan-tai-d79180.html>

14. SGGP (2008), “Nhật Bản thiếu nhà hỏa táng”, thứ Bảy ngày 6/9/2008. Truy cập tại: <http://www.sggp.org.vn/nhat-ban-thieu-nha-hoa-tang-22153.html>

15. Thích Giác Quang (2017), “Hoả táng có ảnh hưởng đến vấn đề tái sinh và phước đức con cháu?”, Phật Giáo ngày 25/6/2017. Truy cập tại: <https://phatgiao.org.vn/hoa-tang-co-anh-huong-den-van-de-tai-sinh-va-phuoc-duc-con-chau-d27180.html>